

Bản án số: 24/2018/HS-PT
Ngày 11-04-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Bùi Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiếu-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 18/2018/TLPT-HS ngày 09 tháng 03 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Phương Thị N do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1982 tại Kiên Giang.

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Lộc H, huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị M; có vợ là Phương Thị N (cùng là bị cáo trong vụ án) và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/8/2017 đến nay. “có mặt”

2. Bị cáo **Phương Thị N**, sinh năm 1995 tại Campuchia

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Lộc H, huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Văn T và bà Lê Thị H; có chồng là Nguyễn Văn S (cùng là bị cáo trong vụ án) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú-tại ngoại. “có mặt”

Ngoài ra còn có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Ngọc A và anh Nguyễn Thành T nhưng không có kháng cáo, kháng nghị và không xem xét nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 2/2015 bị cáo Nguyễn Văn S cùng vợ là bị cáo Phương Thị N mở quán cà phê “Chợt Nhớ” ở ấp 2, xã Lộc H, huyện Lộc N. Đến khoảng tháng 2/2017 do có khách đến hỏi mua dâm nên bị cáo S và bị cáo N thỏa thuận với chị Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 27/02/2001 và chị Lê Thị Ngọc A đến bán dâm cho khách. Tiền bán dâm là 500.000 đồng, nếu bán dâm tại chòi lá của quán cà phê do bị cáo S và bị cáo N làm chủ thì phải đưa cho bị cáo S và bị cáo N 250.000 đồng (tiền chòi, bao cao su, nước), nếu bán dâm tại nhà nghỉ thì đưa cho bị cáo S và bị cáo N 200.000 đồng (tiền môi giới, điện thoại). Bị cáo S và bị cáo N đã giới thiệu khách mua dâm cho chị Nguyễn Thị Thu T 02 lần, cho chị Lê Thị Ngọc A 01 lần, cụ thể:

Vào khoảng 20 giờ ngày 12/8/2017, anh Nguyễn Thành T, sinh ngày 31/7/2000 rủ anh Thạch Thiên V và anh Dũng (chưa xác định nhân thân, lai lịch) đến quán cà phê “Chợt Nhớ” để uống nước và tìm gái bán dâm. Khi đến quán thì anh Thạch Thiên V trực tiếp thỏa thuận với bị cáo S giá mua dâm là 500.000 đồng. Sau đó, bị cáo S sử dụng điện thoại di động Nokia màu đỏ cam điện cho chị Lê Thị Ngọc A đến bán dâm cho khách. Khoảng 10 phút sau, chị Lê Thị Ngọc A điều khiển xe đến quán rồi cùng Thạch Thiên V đến nhà nghỉ “Sổ Đỏ” ở ấp Đ, xã L, huyện L vào phòng số 13 quan hệ tình dục. Chị Lê Thị Ngọc A về đưa cho bị cáo N 200.000 đồng.

Đến khoảng 14 giờ và khoảng 15 giờ cùng ngày 13/8/2017, có khách (chưa xác định được nhân thân lai lịch) đến quán cà phê “Chợt Nhớ” do bị cáo S và bị cáo N làm chủ để tìm gái bán dâm. Bị cáo S thỏa thuận giá với khách xong thì kêu bị cáo N điện thoại cho chị Nguyễn Thị Thu T đến bán dâm cho khách. Sau đó, chị Nguyễn Thị Thu T đến quán bán dâm cho khách tại chòi lá của quán cà phê lấy 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thu T đưa lại cho bị cáo N: 500.000 đồng, còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Vào khoảng 14 giờ ngày 15/8/2017, anh Nguyễn Thành T rủ anh Thạch Thiên V và anh Trần T, sinh ngày 15/5/2001 đến quán cà phê “Chợt Nhớ” để uống nước và tìm gái bán dâm. Khi đến quán, anh Nguyễn Thành T thỏa thuận giá với bị cáo S và kêu bị cáo S bớt cho anh Nguyễn Thành T 100.000 đồng (giá bán dâm là 500.000 đồng) nhưng bị cáo S không đồng ý. Sau đó, bị cáo S vào nhà kêu bị cáo N điện thoại cho chị Nguyễn Thị Thu T đến bán dâm cho khách. Khi chị Nguyễn Thị Thu T đến quán thì bị cáo N đưa bao cao su cho bị cáo S rồi bị cáo S đưa cho chị Nguyễn Thị Thu T, chị Nguyễn Thị Thu T đi xuống chòi lá của quán để chờ. Bị cáo S nói với các anh Nguyễn Thành T, anh Thạch Thiên V và anh Trần T đã có 01 cô gái

bán dâm, ai quan hệ trước thì xuống chòi lá. Anh Trần T đi xuống chòi lá chuẩn bị quan hệ tình dục với chị Nguyễn Thị Thu T thì bị Công an huyện L phối hợp với Công an xã Lộc H bắt quả tang cùng vật chứng là 01 bao cao su đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su.

Quá trình điều tra, bị cáo S và bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra, các bị cáo S, N còn giới thiệu chị Lê Thị Ngọc A cho khách mua dâm nhiều lần khác nhưng không nhớ rõ thời gian. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã thu giữ của bị cáo N 01 điện thoại di động Samsung, số tiền 700.000 đồng, thu giữ của bị cáo S 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ cam, thu giữ của chị Lê Thị Ngọc A 01 điện thoại di động Nokia màu đen, thu giữ của anh Nguyễn Thành T số tiền 1.120.000 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lộc N đã quyết định: *“Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S, Phương Thị N phạm các tội “Chứa mại dâm” và “Môi giới mại dâm”. Áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 327; khoản 1 Điều 328; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, 58, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 05 năm tù về tội “Chứa mại dâm” và 01 năm tù về tội “Môi giới mại dâm”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn S phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 06 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt tạm giam 15/8/2017.*

Áp dụng các điểm c, đ khoản 2 Điều 327; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 17, 58, khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phương Thị N 03 năm tù về tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 58, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phương Thị N 06 tháng tù về tội “Môi giới mại dâm”. Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phương Thị N phải chấp hành hình phạt chung cho hai tội là 03 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án”; ngoài ra còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S và bị cáo Phương Thị N đều có đơn kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Các đơn kháng cáo của các bị cáo đều trong phạm vi và hạn luật định nên được xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S yêu cầu rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt; còn bị cáo Phương Thị N ngoài kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt thì còn bổ sung thêm kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm thể hiện như sau: Đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn S, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Phương Thị N và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S rút toàn bộ kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Xét thấy việc rút toàn bộ kháng cáo của bị cáo S là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo S.

[2] Bị cáo Phương Thị N đã hoàn toàn thừa nhận việc phạm tội và hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã xác định. Xét lời nhận tội của bị cáo Phương Thị N phù hợp với Biên bản phạm tội quả tang, lời khai của bị cáo Nguyễn Văn S, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ của vụ án. Các hành vi chứa mại dâm và môi giới mại dâm của bị cáo Phương Thị N thực hiện đều là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng và nếp sống văn minh, đạo đức xã hội. Trong quá trình thực hiện tội phạm, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hoàn toàn nhận thức rõ và làm chủ được hành vi, có lỗi cố ý trực tiếp, mục đích nhằm tư lợi. Bị cáo thuộc trường hợp phạm nhiều tội, nhiều lần và đối với người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về hai tội: tội chứa mại dâm theo các điểm c, đ khoản 2 Điều 327 và tội môi giới mại dâm theo khoản 1 Điều 328 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phương Thị N với lý do Tòa án cấp sơ thẩm xét xử nặng đối với bị cáo, thấy rằng: Bị cáo thuộc trường hợp phạm hai tội, có vai trò thứ yếu trong vụ án, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú các lần phạm tội trước, đã tự nguyện giao nộp tiền thu lợi bất chính, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế đã được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, áp dụng xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt của tội chứa mại dâm với mức án 03 năm tù cho tội chứa mại dâm và 06 tháng tù cho tội môi giới mại dâm là tương xứng, phù hợp và công bằng. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bị cáo cũng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới nào khác. Do đó, kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phương Thị N không được chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Phương Thị N với lý do có 02 người con còn nhỏ không có ai trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, thấy rằng: Bị cáo N có hai người con còn nhỏ nhưng đã trên 03

tuổi, trong trường hợp chồng bị cáo và bị cáo đều đi chấp hành án thì bị cáo còn có cha mẹ hai bên của bên bị cáo và bên chồng bị cáo đều còn sống, có sức khỏe, điều kiện để chăm sóc các cháu cho bị cáo một thời gian để bị cáo đi chấp hành án; hơn nữa, bị cáo phạm hai tội lại có tổng mức án 03 năm 06 tháng tù nên bị cáo không đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định của pháp luật nên kháng cáo yêu cầu hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà phúc thẩm được chấp nhận toàn bộ.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phương Thị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điểm a, đ khoản 1 Điều 355; Điều 356; khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo Phương Thị N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước về phần hình phạt.

Căn cứ các điểm c, d khoản 2 Điều 254; khoản 1 Điều 255; các điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33; Điều 53; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 144/2016/QH14 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 3 Điều 7; các điểm c, đ khoản 2 Điều 327; khoản 1 Điều 328 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Tuyên bố bị cáo Phương Thị N phạm “Tội chứa mại dâm” và “Tội môi giới mại dâm”

Xử phạt bị cáo Phương Thị N 03 (ba) năm tù về “Tội chứa mại dâm” và 06 (sáu) tháng tù về “Tội môi giới mại dâm”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Phương Thị N phải chấp hành chung cho hai tội là 03 năm 06 tháng tù; thời hạn tù kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với bị cáo Nguyễn Văn S. Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2018/HSST ngày 26 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đối với bị cáo Nguyễn Văn S có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 11-04-2018.

Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo Phương Thị N phải nộp 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao;
- Công an huyện L;
- Tòa án nhân dân huyện L;
- Bị cáo;
- Người kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nhân